

Số: 58/2020/QĐST-HNGĐ

Quang Bình, ngày 18 tháng 8 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ Hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 57/2020/TLST-HNGĐ ngày 31/7/2020 về việc khởi kiện ly hôn, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Mai Thị H; sinh năm: 1978; nghề nghiệp: Giáo viên; dân tộc: Tày; nơi cư trú: Tổ C, thị trấn Y, huyện Q, tỉnh Hà Giang.

- Bị đơn: Anh Đỗ Văn T; sinh năm 1975; nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: Kinh; nơi cư trú: Tổ C, thị trấn Y, huyện Q, tỉnh Hà Giang.

Căn cứ vào khoản 3, 4 Điều 147, khoản 1, 2 Điều 212, khoản 1 Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 55, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 6; khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10/8/2020.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10/8/2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:** Chị Mai Thị H và anh Đỗ Văn T.

**2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

**a. Về quan hệ hôn nhân:** Chị Mai Thị H và anh Đỗ Văn T tự nguyện thuận tình ly hôn.

**b. Về nuôi con chung:** Chị Mai Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đỗ Hương G sinh ngày 15/4/2004; anh Đỗ Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

**c. Về tài sản, công nợ chung:** Vợ chồng tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu tòa án giải quyết.

**d. Về án phí:** Chị Mai Thị H chịu án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn) là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 03537 ngày 31/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q, tỉnh Hà Giang. Chị H được hoàn trả lại số tiền trên lịch đã nộp là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự. Ngoài ra, người có quyền lợi có liên quan trong quá trình thi hành án có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 7b Luật Thi hành án dân sự.

**3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.**

***Nơi nhận:***

- Tòa án ND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Q;
- CCTHADS huyện Q;
- UBND xã V, huyện B  
(nơi đã thực hiện việc đăng ký kết hôn);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP, AV.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Thị Hải Phương**